

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất sét làm gạch, ngói tại thôn Nam Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH MTV Gốm Cổ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất sét làm gạch, ngói tại thôn Nam Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH MTV Gốm Cổ tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 17/9/2020;*

*Xét nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất sét làm gạch, ngói tại thôn Nam Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 16/CV-GC ngày 09/11/2020 của Công ty TNHH MTV Gốm Cổ;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1078/TTr-STNMT ngày 16/11/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất sét làm gạch, ngói (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Gốm Cổ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Nam Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn,

tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND xã Tây Giang theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu Dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Giang;
- Chủ dự án;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẤT SÉT LÀM GẠCH, NGÓI TẠI THÔN NAM**  
**GIANG, XÃ TÂY GIANG, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày    /    /2020 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Dự án khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại thôn Nam Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Gốm Cổ.

1.3. Địa chỉ liên hệ: số 494 Lê Lợi, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0968.166.667

1.4. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 2,76ha.

- Tuổi thọ mỏ: 5 năm.

- Thời gian làm việc trong ngày là 8 giờ (từ 7h30 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h30 hàng ngày).

- Công suất khai thác: khoảng 8.225m<sup>3</sup> địa chất/năm (bao gồm: 6.400m<sup>3</sup> đất vận chuyển đi và 1.825m<sup>3</sup> đất mặt giữ lại để san gạt, phục hồi môi trường).

- Phương pháp khai thác: bắt đầu khai thác từ phía Đông dự án (gần điểm số 5, cos kết thúc khai thác thoải dần về phía Đông Bắc dự án (từ +40,95m đến +38m) đảm thuận lợi cho việc dẫn nước và thoát nước phục vụ canh tác.

- Quy trình khai thác: cấm móc các lô khai thác → dồn lớp đất mặt để lại ở phía Bắc của mỗi lô để phục hồi môi trường → đào đất khai thác, xúc lên xe vận chuyển → san ủi mặt bằng, trả lại lớp đất mặt trước khi thực hiện khai thác lô tiếp theo.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: 01 hồ lắng khoảng 117m<sup>3</sup> (hồ đào 2 ngăn, kết cấu bằng đất, kích thước: dài 13m x rộng 6m x sâu 1,5m); bờ bao bằng đất xung quanh các thửa (tổng chiều dài 611m x rộng 0,4m x cao 0,4m); hệ thống mương dẫn nước tưới xung quanh thửa đất (mương đất, tổng chiều dài 803m x rộng 0,2m x sâu 0,2m); hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn (mương đất, tổng chiều dài 300m x rộng 1,1m x sâu 0,4m); mương thoát nước từ hồ lắng ra suối hiện trạng (dài 10m x rộng 1,1m x sâu 0,4m).

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ (đường đất nối từ đường bê tông hiện trạng đến ranh giới mỏ, kích thước: dài 260m x rộng 6m x cao 0,5m); tuyến đường trong mỏ (đường đất, kích thước: dài 287m x rộng 6m x cao 0,5m).

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ hoạt động dự án**

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: bụi, ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lấn bùn đất).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng  $0,48\text{m}^3/\text{ngày}$ , có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng  $1.915\text{m}^3/\text{ngày}$ .

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng  $4,1\text{ kg}/\text{ngày}$ , có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Công ty thực hiện thay dầu động cơ và dầu bôi trơn tại gara nên không phát sinh chất thải nguy hại tại dự án.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và thuê đơn vị để thu gom, xử lý khi bê đầy.

b) Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn dẫn nước về hồ lắng: kết cấu mương đất, tổng chiều dài  $300\text{m}$  x rộng  $1,1\text{m}$  x sâu  $0,4\text{m}$ .

- Hồ lắng 2 ngăn phía Đông Bắc, tọa độ (1.539.026; 561.774), thể tích khoảng  $117\text{m}^3$  (dài  $13\text{m}$  x rộng  $6\text{m}$  x sâu  $1,5\text{m}$ ), có bờ bao gia cố. Nước mưa chảy tràn được thu gom về hồ lắng để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ ).

- Quy trình xử lý:

Nước mưa chảy tràn → mương thu gom → hồ lắng phía Đông Bắc khu mỏ → đập tràn → mương thoát nước → suối hiện trạng phía Đông.

3.2. Về xử lý bụi:

- Tưới nước trên tuyến đường vận chuyển tại những đoạn qua khu dân cư và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển.

- Vệ sinh bánh xe trước khi ra đường bê tông.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

Bố trí 01 thùng đựng rác sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để lưu chứa; hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương để xử lý theo quy định.

3.4. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực Dự án.	2 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.
2.	San gạt mặt bằng, trả lại lớp đất màu bề mặt.	7.836 m <sup>3</sup>	Tạo bề mặt bằng phẳng, đảm bảo cho hoạt động canh tác nông nghiệp.	Triển khai và hoàn thành sau 20 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác từng năm.
3.	Đắp bờ xung quanh khu vực khai thác từng năm.	97,76 m <sup>3</sup>	Tạo ranh giới phân định diện tích khai thác từng năm.	
4.	Đào mương, tạo rãnh tưới tiêu để dẫn nước tưới vào các thửa.	32,12 m <sup>3</sup>	Đảm bảo việc dẫn nước và thoát nước vào khu vực ruộng từng thửa.	
5.	Đo vẽ địa hình.	2,76 ha	Đo đạc độ cao kết thúc khai thác hàng năm.	
6.	San lấp hồ lắng và mương thoát nước xung quanh mỏ.	227,7m <sup>3</sup>	Trả lại hiện trạng ban đầu.	
7.	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất từ đường bê tông đến khu vực Dự án.	468 m <sup>3</sup>	Đảm bảo đường bằng phẳng, an toàn cho xe lưu thông.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác mỏ.
8.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh.	50 m <sup>2</sup>	Trả lại hiện trạng ban đầu.	
9.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển đất sét đoạn qua khu dân cư.	120 m <sup>3</sup>	Đảm bảo không rơi vãi đất gây ảnh hưởng đến dân cư hai bên đường.	Thực hiện hàng năm.

b) Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **117.326.000 đồng** (Một trăm mười bảy triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 05 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 29.330.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 21.999.000 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: đắp bờ đất ngăn cách khu vực mỏ với suối phía Đông (dài 146m x rộng 1m x cao 0,5m) để giảm thiểu sa bồi bùn đất xuống suối.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hồ lắng phía Đông Bắc dự án; hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn về hồ lắng và mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận.

- Nhà vệ sinh di động.

- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

5.1. Giám sát nước thải đầu ra tại hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ ); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát bụi lơ lửng: 01 điểm tại vị trí khai thác hàng năm và 01 điểm tại trên đường vận chuyển đi qua khu dân cư; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát sự cố sa bồi, sạt lở ảnh hưởng đến khu vực canh tác của người dân và giám sát hệ thống mương tưới đảm bảo dẫn nước tưới vào các thửa phục vụ cho hoạt động canh tác sau khi kết thúc cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm.